

Bản án số: 42/2026/DS-ST

Ngày: 29 - 5 - 2026

V/v: “Tranh chấp chia di sản thừa kế tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – QUẢNG TRỊ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Thu.

Bà Dương Thị Hồng Liên.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Hòa – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 – Quảng Trị.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Quảng Trị tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Thế Hòa - Kiểm sát viên

Trong ngày 29 tháng 5 năm 2026, tại Hội trường xét xử án Dân sự Toà án nhân dân khu vực 1 – Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 184/2025/TLST-DS ngày 14 tháng 11 năm 2025 về việc “*Tranh chấp chia di sản thừa kế tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 150/2026/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Lê Thị H, sinh năm: 1954; CCCD số: 044154000600; địa chỉ: Tổ dân phố G P, phường Đ, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

- **Bị đơn:** Anh Lê Mạnh C; CCCD số: 044082002427, sinh năm: 1982; địa chỉ: Tổ dân phố G P, phường Đ, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Lê Thị Hương G; CCCD số: 044174001439; sinh năm: 1974; địa chỉ: Tổ dân phố L, phường Đ, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Lê Hải Đ; số định danh cá nhân: 044077007791; sinh năm: 1977; nơi cư trú cuối cùng: Tổ dân phố L, phường Đ, tỉnh Quảng Trị. Hiện đang xuất khẩu lao động tại nước A, không rõ địa chỉ. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Lê Thị Anh Đ2; CCCD số: 04417900536; sinh năm: 1979; địa chỉ: Tổ dân phố A, phường Đ, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

+ Lê Thị Hồng Q; CCCD số: 044185002574; sinh năm: 1985; địa chỉ: Phường Đ, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Phần trình bày của nguyên đơn bà Lê Thị H tại biên bản hòa giải, tại phiên tòa:*

Bà và ông Lê Hải Đ1 đã kết hôn hợp pháp năm 1972. Trong thời kỳ hôn nhân ông, bà sinh được 05 người con gồm: Lê Thị Hương G, Lê Hải Đăng Lê Thị Anh Đ2, Lê Thị Hồng Q và Lê Mạnh C. Năm 2017 chồng bà ông Lê Hải Đ1 chết không để lại di chúc.

Quá trình chung sống vợ chồng bà đã tạo lập những tài sản chung gồm các thửa đất và tài sản trên đất như sau:

- Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 60, tờ bản đồ số 38; địa chỉ: Xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình (nay là phường Đ, tỉnh Quảng Trị); diện tích 421,0m² (Đất trồng cây lâu năm). Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ086774, số vào sổ cấp GCN: H05261 do UBND thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình cũ cấp ngày 22/9/2009, mang tên Lê Hải Đ1, Lê Thị H.

- Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 563, tờ bản đồ số 38; địa chỉ: Xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình (nay là phường Đ, tỉnh Quảng Trị); diện tích 1079,5m² (Đất ở tại nông thôn 120m², đất trồng cây lâu năm 959,5m²). Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 308363, số vào sổ cấp GCN: H05259 do UBND thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình cũ cấp ngày 22/9/2009, mang tên Lê Hải Đ1, Lê Thị H.

- Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 564, tờ bản đồ số 38; địa chỉ: Xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình (nay là phường Đ, tỉnh Quảng Trị); diện tích 246,0m² (Đất ở tại nông thôn 80,0m², đất trồng cây lâu năm 166,0m²). Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 308361, số vào sổ cấp GCN: H05260 do UBND thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình cũ cấp ngày 22/9/2009, mang tên Lê Hải Đ1, Lê Thị H.

Theo quy định thì bà và các con Lê Thị Hương G, Lê Hải Đ Lê Thị Anh Đ2, Lê Thị Hồng Q và Lê Mạnh C là hàng thừa kế và cùng yêu cầu được chia thừa kế phần di sản của ông Lê Hải Đ1 (chồng bà để lại) để các con được hưởng theo quy định. Bà H đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia phần di sản thừa kế của ông Lê Hải Đ1 (một ½ giá trị tài sản) trong khối tài sản mà vợ chồng ông, bà tạo lập gồm các thửa đất và tài sản trên đất như đã trình bày ở trên theo quy định.

Tại các buổi họp gia đình và tại đơn khởi kiện, bà cũng đề nghị chia theo quy định của pháp luật là mỗi người trong hàng thừa kế thứ nhất được hưởng trong phần di sản của ông Đ1 (một ½ giá trị tài sản trong khối tài sản chung của vợ chồng ông bà tạo lập) trường hợp không chia được hiện vật là đất và tài sản trên đất thì bà cũng nhất trí chia bằng tiền của tổng giá trị các thửa đất theo quy định. Và bà cũng nhất trí như kết quả thẩm định giá tài sản tại các biên bản thẩm định và biên bản định giá ngày 23/12/2025 (sơ đồ đo đạc cùng ngày 23/12/2025) do Tòa án

nhân dân khu vực 1 – Quảng Trị đã tiến hành do Tòa án tiến hành mà tôi yêu cầu.

Sau khi có kết quả thẩm định, định giá các con của bà đều thống nhất cho rằng các tài sản trên là do vợ chồng ông bà tạo dựng, lúc đó chúng còn nhỏ, nên phần giá trị các tài sản do chồng bà để lại các con gồm: Lê Thị Hương G, Lê Hải Đ Lê Thị Anh Đ2, Lê Thị Hồng Q và Lê Mạnh C xin được từ chối nhận và đồng ý giao lại phần di sản mà các con được hưởng của ông Đ1 (bố đẻ của Lê Thị Hương G, Lê Hải Đ Lê Thị Anh Đ2, Lê Thị Hồng Q và Lê Mạnh C) tại các thửa đất và tài sản trên đất cho bà là bà Lê Thị H quản lý, sử dụng. Bà cũng nhất trí với ý kiến trình bày trên của các con.

Tại phiên tòa hôm nay, bà H kính mong Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Quảng Trị xem xét tạo điều kiện giải quyết chia thừa kế tài sản của ông Lê Hải Đ1 để lại, đảm bảo quyền lợi của bà và các con hàng thừa kế thứ nhất theo quy định của pháp luật.

**** Quá trình tổ tụng và tại phiên tòa bị đơn anh Lê Mạnh C trình bày:***

Anh hoàn toàn đồng ý với nội dung khởi kiện của mẹ là bà Lê Thị H, Bố mẹ anh là bà Lê Thị H và ông Lê Hải Đ1 đã kết hôn hợp pháp năm 1972. Trong thời kỳ hôn nhân bố mẹ anh sinh được có 05 người con gồm: Lê Thị Hương G, Lê Hải Đăng Lê Thị Anh Đ2, Lê Thị Hồng Q và Lê Mạnh C. Năm 2017 bố anh ông Lê Hải Đ1 chết không để lại di chúc.

Quá trình chung sống bố mẹ anh có những tài sản chung gồm các thửa đất và tài sản trên đất như sau:

- Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 60, tờ bản đồ số 38; địa chỉ: Xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình (nay là phường Đ, tỉnh Quảng Trị); diện tích 421,0m² (Đất trồng cây lâu năm). Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ086774, số vào sổ cấp GCN: H05261 do UBND thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình cũ cấp ngày 22/9/2009, mang tên Lê Hải Đ1, Lê Thị H.

- Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 563, tờ bản đồ số 38; địa chỉ: Xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình (nay là phường Đ, tỉnh Quảng Trị); diện tích 1079,5m² (Đất ở tại nông thôn 120m², đất trồng cây lâu năm 959,5m²). Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 308363, số vào sổ cấp GCN: H05259 do UBND thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình cũ cấp ngày 22/9/2009, mang tên Lê Hải Đ1, Lê Thị H.

- Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 564, tờ bản đồ số 38; địa chỉ: Xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình (nay là phường Đ, tỉnh Quảng Trị); diện tích 246,0m² (Đất ở tại nông thôn 80,0m², đất trồng cây lâu năm 166,0m²). Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 308361, số vào sổ cấp GCN: H05260 do UBND thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình cũ cấp ngày 22/9/2009, mang tên Lê Hải Đ1, Lê Thị H.

Theo quy định thì mẹ anh là bà Lê Thị H cùng các anh chị em của anh gồm Lê Thị Hương G, Lê Hải Đ, Lê Thị Anh Đ2, Lê Thị Hồng Q là hàng thừa kế thứ

nhất và cùng yêu cầu được chia thừa kế phần di sản của bố là Lê Hải Đ1 để mẹ H và các con được hưởng theo quy định. Việc mẹ anh làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia phần di sản thừa kế của bố là ông Lê Hải Đ1 ($\frac{1}{2}$ giá trị tài sản) trong khối tài sản mà bố mẹ tạo lập gồm các thửa đất, tài sản trên đất như đã trình bày ở trên theo quy định. Anh cũng nhất trí chia theo quy định của pháp luật là mỗi người trong hàng thừa kế thứ nhất được hưởng trong phần di sản của bố anh ($\frac{1}{2}$ giá trị tài sản trong khối tài sản chung của bố mẹ anh tạo lập) trường hợp không chia được hiện vật là đất và tài sản trên đất thì anh cũng nhất trí chia bằng tiền của tổng giá trị các thửa đất theo quy định. Anh C cũng nhất trí như kết quả thẩm định giá tài sản tại các biên bản thẩm định và biên bản định giá ngày 23/12/2025 (sơ đồ đo đạc cùng ngày 23/12/2025) do Tòa án nhân dân khu vực 1 – Quảng Trị đã tiến hành do Tòa án tiến hành mà mẹ anh yêu cầu.

Anh C cho rằng các tài sản trên là do bố mẹ tạo dựng, lúc đó các anh chị em của anh còn nhỏ, nên phần giá trị các tài sản do bố anh để lại anh xin được từ chối nhận và đồng ý giao lại phần di sản mà anh được hưởng của bố anh tại các thửa đất và tài sản trên đất cho mẹ anh là bà Lê Thị H quản lý, sử dụng.

**** Quá trình tố tụng và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Hồng Q trình bày:***

Chị Q hoàn toàn đồng ý với nội dung khởi kiện của mẹ là bà Lê Thị H, Bố mẹ chị là bà Lê Thị H và ông Lê Hải Đ1 đã kết hôn hợp pháp năm 1972. Trong thời kỳ hôn nhân bố mẹ anh sinh được có 05 người con gồm: Lê Thị Hương G, Lê Hải Đăng Lê Thị Anh Đ2, Lê Thị Hồng Q và Lê Mạnh C. Năm 2017 bố chị ông Lê Hải Đ1 chết không để lại di chúc.

Quá trình chung sống bố mẹ chị có những tài sản chung gồm các thửa đất và tài sản trên đất như sau:

- Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 60, tờ bản đồ số 38; địa chỉ: Xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình (nay là phường Đ, tỉnh Quảng Trị); diện tích 421,0m² (Đất trồng cây lâu năm). Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ086774, số vào sổ cấp GCN: H05261 do UBND thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình cũ cấp ngày 22/9/2009, mang tên Lê Hải Đ1, Lê Thị H.

- Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 563, tờ bản đồ số 38; địa chỉ: Xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình (nay là phường Đ, tỉnh Quảng Trị); diện tích 1079,5m² (Đất ở tại nông thôn 120m², đất trồng cây lâu năm 959,5m²). Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 308363, số vào sổ cấp GCN: H05259 do UBND thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình cũ cấp ngày 22/9/2009, mang tên Lê Hải Đ1, Lê Thị H.

- Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 564, tờ bản đồ số 38; địa chỉ: Xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình (nay là phường Đ, tỉnh Quảng Trị); diện tích 246,0m² (Đất ở tại nông thôn 80,0m², đất trồng cây lâu năm 166,0m²). Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 308361, số vào sổ cấp GCN: H05260 do UBND thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình cũ cấp ngày 22/9/2009, mang

tên Lê Hải Đ1,

Theo quy định thì mẹ chị là bà Lê Thị H cùng các anh chị em của chị gồm Lê Thị Hương G, Lê Hải Đ, Lê Thị Anh Đ2, Lê Mạnh C là hàng thừa kế thứ nhất và cùng yêu cầu được chia thừa kế phần di sản của bố là Lê Hải Đ1 để mẹ H và các con được hưởng theo quy định. Việc mẹ chị làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia phần di sản thừa kế của bố là ông Lê Hải Đ1 ($\frac{1}{2}$ giá trị tài sản) trong khối tài sản mà bố mẹ tạo lập gồm các thửa đất, tài sản trên đất như đã trình bày ở trên theo quy định. Chị cũng nhất trí chia theo quy định của pháp luật là mỗi người trong hàng thừa kế thứ nhất được hưởng trong phần di sản của bố ($\frac{1}{2}$ giá trị tài sản trong khối tài sản chung của bố mẹ chị tạo lập) trường hợp không chia được hiện vật là đất và tài sản trên đất thì chị cũng nhất trí chia bằng tiền của tổng giá trị các thửa đất theo quy định. Chị Q cũng nhất trí như kết quả thẩm định giá tài sản tại các biên bản thẩm định và biên bản định giá ngày 23/12/2025 (sơ đồ đo đạc cùng ngày 23/12/2025) do Tòa án nhân dân khu vực 1 – Quảng Trị đã tiến hành do Tòa án tiến hành mà mẹ chị yêu cầu.

Chị Q cho rằng các tài sản trên là do bố mẹ tạo dựng, lúc đó các anh chị em của chị còn nhỏ, nên phần giá trị các tài sản do bố chị để lại anh xin được từ chối nhận và đồng ý giao lại phần di sản mà anh được hưởng của bố anh tại các thửa đất và tài sản trên đất cho mẹ anh là bà Lê Thị H quản lý, sử dụng. Đồng ý để Tòa án chia di sản của ông Lê Hải Đ1 bằng hiện vật là quyền sử dụng đất, tài sản trên đất để tạo điều kiện cho mẹ chị bà Lê Thị H đi làm thủ tục biến động tài sản gộp cùng $\frac{1}{2}$ phần tài sản chung của mẹ và $\frac{1}{2}$ phần di sản của bố để lại, để mẹ an tâm dưỡng già.

**** Quá trình tố tụng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Hương G, Lê Thị Anh Đ2 đều trình bày:***

Về hàng thừa kế, di sản thừa kế do ông Lê Hải Đ1 để lại các chị Lê Thị Hương G, chị Lê Thị Anh Đ2 hoàn toàn thống nhất với nội dung khởi kiện của mẹ là bà Lê Thị H và ý kiến của anh Lê Mạnh C, chị Lê Thị Hồng Q và anh Lê Hải Đ và đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo pháp luật.

**** Quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Hải Đ gửi bản tự khai ngày 05/3/2026, trình bày như sau:***

Qua thông tin, anh được biết mẹ là bà Lê Thị H, sinh năm 1954; nơi cư trú: Tổ dân phố L, phường Đ, tỉnh Quảng Trị đã làm đơn yêu cầu chia thừa kế và đã được Tòa án nhân dân khu vực 1- Quảng Trị thụ lý giải quyết. Do điều kiện hiện nay anh đang đi làm ăn ở V, điều kiện đi lại và khoảng cách địa lý xa xôi nên anh xin tự khai và yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây:

Anh hoàn toàn đồng ý với nội dung khởi kiện của mẹ là bà Lê Thị H: Bố mẹ anh là bà Lê Thị H và ông Lê Hải Đ1 đã kết hôn hợp pháp. Trong thời kỳ hôn nhân bố mẹ anh sinh được có 05 người con gồm: Lê Thị Hương G, Lê Hải Đ (là tôi), Lê Thị Anh Đ2, Lê Thị Hồng Q và Lê Mạnh C. Năm 2017 bố anh ông Lê Hải Đ1 chết không để lại di chúc.

Quá trình chung sống bố mẹ anh có những tài sản chung gồm các thửa đất và tài sản trên đất như sau:

- Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 60, tờ bản đồ số 38; địa chỉ: Xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình (nay là phường Đ, tỉnh Quảng Trị); diện tích 421,0m² (Đất trồng cây lâu năm). Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ086774, số vào sổ cấp GCN: H05261 do UBND thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình cũ cấp ngày 22/9/2009, mang tên Lê Hải Đ1, Lê Thị H.

- Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 563, tờ bản đồ số 38; địa chỉ: Xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình (nay là phường Đ, tỉnh Quảng Trị); diện tích 1079,5m² (Đất ở tại nông thôn 120m², đất trồng cây lâu năm 959,5m²). Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 308363, số vào sổ cấp GCN: H05259 do UBND thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình cũ cấp ngày 22/9/2009, mang tên Lê Hải Đ1, Lê Thị H.

- Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 564, tờ bản đồ số 38; địa chỉ: Xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình (nay là phường Đ, tỉnh Quảng Trị); diện tích 246,0m² (Đất ở tại nông thôn 80,0m², đất trồng cây lâu năm 166,0m²). Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 308361, số vào sổ cấp GCN: H05260 do UBND thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình cũ cấp ngày 22/9/2009, mang tên Lê Hải Đ1, Lê Thị H.

Do hiện nay anh đang ở nước ngoài theo quy định thì chúng tôi là hàng thừa kế và cùng yêu cầu được chia thừa kế phần di sản của bố là Lê Hải Đ1 để các con được hưởng theo quy định. Việc mẹ anh làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia phần di sản thừa kế của bố là ông Lê Hải Đ1 ($\frac{1}{2}$ giá trị tài sản) trong khối tài sản mà bố mẹ tạo lập gồm thửa đất như đã trình bày ở trên theo quy định. Anh Đ cũng nhất trí chia theo quy định của pháp luật là mỗi người trong hàng thừa kế thứ nhất được hưởng trong phần di sản của ba ($\frac{1}{2}$ giá trị tài sản trong khối tài sản chung của bố mẹ anh tạo lập) trường hợp không chia được hiện vật là đất và tài sản trên đất thì anh cũng nhất trí chia bằng tiền của tổng giá trị các thửa đất theo quy định. Và anh cũng nhất trí như kết quả thẩm định giá tài sản tại các biên bản thẩm định và biên bản định giá ngày 23/12/2025 (sơ đồ đo đạc cùng ngày 23/12/2025) do Tòa án nhân dân khu vực 1 – Quảng Trị đã tiến hành do Tòa án tiến hành mà mẹ anh yêu cầu. Hiện nay anh đi làm ăn xa, không được chăm sóc mẹ trực tiếp, nên phần giá trị các tài sản do bố anh để lại anh xin được từ chối nhận và đồng ý giao lại phần di sản đó cho mẹ anh quản lý, sử dụng, mong Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Quảng Trị xem xét tạo điều kiện đảm bảo quyền lợi của anh.

Anh Đ trình bày thêm: Do hiện nay anh Đ đang ở V (không có địa chỉ cụ thể), do tính chất công việc của anh và vị trí địa lý xa xôi nên anh không thể về Việt Nam để tham gia các buổi làm việc, buổi triệu tập, phiên họp, phiên tòa xét xử tại Tòa án. Do đó, trong quá trình giải quyết anh đề nghị Tòa án xem xét cho anh được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc, buổi triệu tập, phiên họp, phiên tòa xét xử giải quyết tranh chấp chia thừa kế.

Trên đây là toàn bộ ý kiến của anh về nội dung tranh chấp chia thừa kế như đã trình bày ở trên, anh đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Quảng Trị tiến hành trưng cầu giám định tại Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đối với chữ ký và/hoặc dấu vân tay của tôi trong Bản tự khai và các văn bản khác có liên quan với chữ ký và/hoặc dấu vân tay của tôi có trong Giấy CMND (hoặc các giấy tờ khác có liên quan) của anh Đ để xem có phải do cùng một người là tôi ký xác nhận hay không, để từ đó làm căn cứ giải quyết vụ án tranh chấp chia thừa kế. Mọi chi phí giám định nêu trên anh và bà H, cũng như các anh chị em xin tự nguyện chịu mà không có bất kỳ thắc mắc gì. Kèm theo đơn đề nghị giải quyết sớm và đơn xin vắng mặt tại các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ; phiên hòa giải, phiên tòa do bà H nộp (đã được giám định chữ ký).

* Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn, bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa đều giữ nguyên quan điểm của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Quảng Trị phát biểu quan điểm:

** Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:*

- Về việc thụ lý vụ án: Đây là vụ án tranh chấp chia thừa kế, bị đơn có địa chỉ tại phường Đ, tỉnh Quảng Trị, vì vậy Tòa án nhân dân khu vực 1 – Quảng Trị đã thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

- Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật như xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của nguyên đơn, bị đơn, tiến hành xác minh sự có mặt của bị đơn, mở phiên họp công khai chứng cứ, tiến hành niêm yết các thông báo và quyết định của Tòa án.

* *Việc tuân theo pháp luật của HĐXX và Thư ký phiên tòa:* Tại phiên tòa hôm nay, HĐXX và thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định của pháp luật từ thủ tục bắt đầu phiên tòa đến phần xét hỏi, tranh luận theo quy định của Bộ luật TTDS.

* *Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:* Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn; bị đơn đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ của mình như cung cấp tài liệu, chứng cứ có liên quan đến vụ án, tham gia phiên hòa giải, viết bản tự khai và tham gia tại phiên tòa.

* Về nội dung: Bà Lê Thị H đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Quảng Trị giải quyết cho bà H được hưởng một phần di sản của ông Lê Hải Đ1 (chết năm 2017, không để lại di chúc) là chồng bà H. Khối tài sản chung của ông, bà gồm:

Thửa đất số 563 tờ bản đồ số 38, diện tích 1079, 5 m² tại L, phường Đ do Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp ngày 22/9/2009 mang tên Lê Hải Đ1, Lê Thị H.

Thửa đất số 564 tờ bản đồ số 38, diện tích 246 m² tại L, phường Đ trên đất có 01 ngôi nhà cấp 4 diện tích 70m² do Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp ngày 22/9/2009 mang tên Lê Hải Đ1, Lê Thị H.

Thửa đất số 564 tờ bản đồ số 38, diện tích 421 m² tại L, phường Đ do Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp ngày 22/9/2009 mang tên Lê Hải Đ1, Lê Thị H.

Ông, bà sinh được 05 người con vì vậy, bà H đề nghị Tòa án nhân dân giải quyết cho bà được nhận phần giá trị của mình được hưởng là 800.000.000 đồng: 6 = 133.000.000 đồng.

Tuy nhiên các con của ông, bà là Lê Thị Hương G, Lê Hải Đ, Lê Thị Anh Đ2, Lê Mạnh C, Lê Thị Q từ chối nhận phần di sản thừa kế của mình và giao cho bà H quản lý, sử dụng.

Đề xuất:

Về nội dung: Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới áp dụng khoản 5 Điều 26, Điều 35; Điều 39; Điều 147, 165 Điều 227; Điều 476 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 609, 610, 611, 612, 613, 620 Bộ luật Dân sự.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị H, giao toàn bộ phần di sản của ông Lê Hải Đ1 cho bà Lê Thị H quản lý, sử dụng do bị đơn cùng những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan từ chối nhận phần di sản thừa kế, thống nhất giao cho bà H sử dụng.

Bà Lê Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do thuộc diện người cao tuổi. Bà H phải chịu chi phí tố tụng theo quy định.

Bị đơn Lê Mạnh C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do từ chối nhận phần di sản thừa kế. Về án phí: Căn cứ Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016, đương sự chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Theo Công văn số: 1856/PA08-Đ1, ngày 15/4/2026 của Phòng Q1 - Công an tỉnh Q thì anh Lê Hải Đ đã xuất cảnh ra nước ngoài lần gần đây nhất từ ngày 22/11/2020 qua SBQT Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Đăng hiện cư trú tại V, không có địa chỉ cụ thể. Như vậy, theo quy định tại Điều 27, Điều 35; Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Trị.

[1.2] Sau khi thụ lý vụ án, do anh Lê Hải Đ không đến Đại sứ quán của nước nơi anh đang sinh sống được vì khoảng cách địa lý xa xôi, đi lại khó khăn. Vì vậy, Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Trị đã nhận được bản tự khai, đơn đề nghị xét xử vắng mặt của anh Lê Hải Đ gửi về do bà Lê Thị H đến nộp. Tại bản Kết luận giám định số: 565/2026/KL-KTHS ngày 14/4/2026 của Phòng K Công an tỉnh Q kết luận: Chữ ký dạng chữ viết “Đăng” dưới mục “Người viết bản tự khai” trên mẫu cần giám định ký hiệu A1, dưới mục “Người làm đơn” trên mẫu cần giám định ký hiệu A2 so với chữ ký dạng chữ viết “Đăng” dưới mục “NGƯỜI LÀM

ĐƠN (Ký và ghi rõ họ tên)” trên mẫu so sánh ký hiệu M1 và dưới mục “Chồng (Ký, ghi rõ họ tên)” trên mẫu so sánh ký hiệu M2 là do cùng một người viết ra là của anh Lê Hải Đ.

[1.3] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thuộc diện thừa kế là anh Lê Hải Đ, chị Lê Thị Hương G, chị Lê Thị Anh Đ2 có bản tự khai, đơn đề nghị xét xử vắng mặt gửi Tòa án. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[1.4] Về thời hiệu khởi kiện: Ông Lê Hải Đ1 chết ngày 22/9/2017. Bà Lê Thị H nộp đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế vào ngày 12/11/2025 nên còn trong thời hiệu khởi kiện.

[2] Xét yêu cầu chia di sản thừa kế của nguyên đơn, nhận thấy:

[2.1] Quá trình thu thập chứng cứ, xác định: Theo biên bản thẩm định, biên bản định giá được Tòa án lập ngày 23/12/2025 và sơ đồ hiện trạng sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được các đương sự nhất trí về kết quả đo đạc và kết quả định giá, được thể hiện:

* Thừa đất số 60, tờ bản đồ số 38 (nay là thửa đất số 60, tờ bản đồ số 219 phường Đ), có diện tích thực tế $385,9m^2$ (đất trồng cây lâu năm), có tứ cận: Phía Bắc giáp đường giao thông; phía Nam giáp thửa ONT 567; phía Tây giáp thửa ONT 562 và đường giao thông; phía Đông giáp thửa ONT 5 và ONT 1367. Tài sản trên đất gồm 01 cây bơ trồng năm 2020 có giá 4.455.200 đồng, 01 cây sake trồng năm 2023 (các đương sự không yêu cầu xác định giá trị), 02 cây táo trồng năm 2025 (các đương sự không yêu cầu xác định giá trị), 02 cây bưởi trồng năm 2025, 03 cây xoài trồng năm 2025, 04 cây măng cầu được trồng năm 2015, 15 cây chuối trồng năm 2025; hàng rào được xây dựng bằng gạch bloc chiều dài 37m, cao 1,4m được xây năm 2018. Về tài sản trên đất mặc dù được định giá, tuy nhiên tại phiên tòa, bản tự khai các đương sự không yêu cầu xác định giá trị để phân chia di sản.

Trị giá quyền sử dụng đất $51.000 \text{ đồng}/1m^2 \times 385,9m^2 = 19.680.900 \text{ đồng}$. Các bên đương sự đều thống nhất về giá đã định nên làm căn cứ giải quyết vụ án.

* Thừa đất số 564, tờ bản đồ số 38 (nay là thửa đất số 2, tờ bản đồ số 219 phường Đ), có diện tích thực tế $263,0m^2$ (đất ở tại nông thôn $80,0m^2$, đất trồng cây lâu năm $183m^2$), có tứ cận: Phía Tây Bắc giáp thửa ODT 1367; phía Tây Nam giáp thửa ODT 1367; phía Tây Nam giáp thửa ODT 218 và ODT 219 và đường giao thông; phía Đông Bắc giáp đường giao thông.

Trị giá quyền sử dụng đất: Đất ở thuộc khu vực 3, vị trí 2 có giá $1.391.000 \text{ đồng}/m^2 \times 80,0m^2 = 111.280.000 \text{ đồng}$. Đất trồng cây lâu năm $51.000 \text{ đồng}/1m^2 \times 183m^2 = 9.333.000 \text{ đồng}$. Các bên đương sự đều thống nhất về giá đã định nên làm căn cứ giải quyết vụ án.

Tài sản trên đất: Nhà Chính: 01 ngôi nhà 01 tầng mái ngói, kết cấu trụ bê tông, cốt thép tường xây gạch cao 04m, tường sơn, nền lát gạch ceramic, cửa khung ngoại, hệ thống điện đầy đủ, nhà xây dựng năm 2015 có diện tích: 81,1m². Nhà bếp + nhà vệ sinh được xây bằng gạch, đổ bê tông, nền lát gạch ceramic. Sân đổ bê tông láng xi măng. Tường rào xây dựng bằng bloc. 01 cây mai cảnh, 01 cây măng cầu trồng năm 2025. Về tài sản trên đất mặc dù được định giá, tuy nhiên tại phiên tòa, bản tự khai các đương sự không yêu cầu xác định giá trị để phân chia di sản.

* Thừa đất số 563, tờ bản đồ số 38 (nay là thửa đất số 1367, tờ bản đồ số 218 phường Đ), có diện tích thực tế 1058,9m² (đất ở tại nông thôn 120,0m², đất trồng cây lâu năm 938,9m²), có tứ cận: Phía Bắc giáp thửa ODT+CLN 1854; phía Tây giáp thửa DGD 1341; phía Nam giáp thửa ODT 2 và ODT +CLN 1377; phía Đông giáp DTL 1288.

Trị giá quyền sử dụng đất: Đất ở thuộc khu vực 3, vị trí 2 có giá 1.391.000 đồng/m² x 120,0m² = 166.920.000 đồng. Đất trồng cây lâu năm 51.000 đồng/1m² x 938,9m² = 47.883.900 đồng. Các bên đương sự đều thống nhất về giá đã định nên làm căn cứ giải quyết vụ án.

Tài sản trên đất: Có 01 ngôi nhà được xây dựng năm 1982, 01 ngôi nhà cấp 4, mái lợp tôn, cửa gỗ đơn giản, xung quanh xây gạch, nền lát gạch ceramic. 01 cây mai cảnh trồng năm 2010. 01 cây bưởi trồng năm 2015. 01 cây bơ trồng năm 2025. Về tài sản trên đất mặc dù được định giá, tuy nhiên tại phiên tòa, bản tự khai các đương sự không yêu cầu xác định giá trị để phân chia di sản, cùng thống nhất chia bằng hiện vật là quyền sử dụng đất.

[2.2] Xác định di sản thừa kế:

[2.2.1] Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ và sự thừa nhận của các đương sự về mối quan hệ huyết thống, xác định: Ông Lê Hải Đ1 và bà Lê Thị H có 05 người con gồm: Lê Thị Hương G, Lê Hải Đ, Lê Thị Anh Đ2, Lê Mạnh C, Lê Thị Hồng Q. Ông Đ1, bà H không có con nuôi hay con riêng.

[2.2.2] Về nguồn gốc tài sản yêu cầu chia thừa kế: Bà Lê Thị H và ông Lê Hải Đ1 đăng ký kết hôn năm 1972. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông bà sinh sống tại xã L, thành phố Đ tỉnh Quảng Bình (nay là tổ dân phố G P, phường Đ, tỉnh Quảng Trị). Quá trình chung sống, bà H và ông Lê Hải Đ1 có tạo lập được khối tài sản chung là quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tại địa chỉ như trên và đã được UBND thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình cấp Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ086774, số vào sổ cấp GCN: H05261 do UBND thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình cũ cấp ngày 22/9/2009, mang tên Lê Hải Đ1, Lê Thị H. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 308363, số vào sổ cấp GCN: H05259 do UBND thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình cũ cấp ngày 22/9/2009, mang tên Lê Hải Đ1, Lê Thị H. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 308361, số vào sổ cấp GCN: H05260 do UBND thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình cũ cấp ngày 22/9/2009, mang tên Lê Hải Đ1, Lê Thị H.

Bị đơn và các đương sự khác thừa nhận khối tài sản nêu trên là của bà Lê Thị H và ông Lê Hải Đ1, không có công sức đóng góp vào khối tài sản này.

Như vậy, xác định nhà và đất tại các thửa đất số 60, tờ bản đồ số 38 (nay là thửa đất số 60, tờ bản đồ số 219 phường Đ), có diện tích thực tế 385,9m²; thửa đất số 564, tờ bản đồ số 38 (nay là thửa đất số 2, tờ bản đồ số 219 phường Đ), có diện tích thực tế 263,0m² (đất ở tại nông thôn 80,0m², đất trồng cây lâu năm 183m²); thửa đất số 563, tờ bản đồ số 38 (nay là thửa đất số 1367, tờ bản đồ số 218 phường Đ), có diện tích thực tế 1058,9m² (đất ở tại nông thôn 120,0m², đất trồng cây lâu năm 938,9m²) cùng có địa chỉ: Tổ dân phố G P, phường Đ, tỉnh Quảng Trị là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của bà H và ông Lê Hải Đ1 nên mỗi người được hưởng một nửa khối tài sản này. Tổng giá trị đất của ba thửa 355.097.800 đồng. Phần của ông Đ1 và bà H mỗi người là 177.548.900 đồng.

[2.3] Về diện thừa kế và hàng thừa kế: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, bản tự khai của bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều thống nhất ông Lê Hải Đ1 chết năm 2017 không để lại di chúc nên cùng đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế theo pháp luật. Trước khi chết ông Lê Hải Đ1 không có con riêng. Vì vậy, người thừa kế thuộc hàng thứ nhất của ông Lê Hải Đ1 gồm 06 người là bà Lê Thị H (vợ) và 05 người con gồm Lê Thị Hương G, Lê Hải Đ, Lê Thị Anh Đ2, Lê Mạnh C, Lê Thị Hồng Q.

Như đã phân tích ở trên, di sản của ông Đ1 là $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng thửa đất số 60, tờ bản đồ số 38 (nay là thửa đất số 60, tờ bản đồ số 219 phường Đ), có diện tích thực tế 385,9m²; thửa đất số 564, tờ bản đồ số 38 (nay là thửa đất số 2, tờ bản đồ số 219 phường Đ), có diện tích thực tế 263,0m² (đất ở tại nông thôn 80,0m², đất trồng cây lâu năm 183m²); thửa đất số 563, tờ bản đồ số 38 (nay là thửa đất số 1367, tờ bản đồ số 218 phường Đ), có diện tích thực tế 1058,9m² (đất ở tại nông thôn 120,0m², đất trồng cây lâu năm 938,9m²) và tài sản trên đất. Hàng thừa kế của ông Đ1 gồm 06 người. Xét thấy, 05 người con của ông Đ1, bà H đều thừa nhận khi bố mẹ cùng tạo dựng các khối tài sản trên các chị em đều đang còn nhỏ, đang đi học, không có công sức đóng góp vào tài sản đó. Sau khi ông Đ1 mất, bà H tiếp tục quản lý tài sản chung của bà và ông Đ1. Nên cả 05 người con đều từ chối nhận phần di sản của ông Đ1 (là bố đẻ) để lại và nhường lại cho bà H.

Do diện tích đất và hình thể thửa đất không thể chia cho tất cả những người thừa kế bằng hiện vật; những người được hưởng phần thừa kế của ông Đ1 đều nhường suất thừa kế cho bà H. Nên bà H được quyền sử dụng $\frac{1}{2}$ diện tích thửa đất và toàn bộ di sản thừa kế. Hiện nay bà H đang sinh sống trên thửa đất nên cần giao cho bà H quyền sử dụng toàn bộ thửa đất và tài sản trên đất.

[3] Về án phí và chi phí tố tụng:

[3.1] Về chi phí tố tụng: Chi phí tố tụng là 9.350.000 đồng. Bà Lê Thị H đã tự nguyện chịu nộp toàn bộ chi phí tố tụng và đã nộp xong.

[3.2] Về án phí:

- Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan từ chối nhận và nhường di sản nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Nguyên đơn được hưởng toàn bộ khối di sản thừa kế nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Do bà Lê Thị H là người cao tuổi, đã có đơn xin miễn án phí nên bà H được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự trong nước có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự và đương sự ở nước ngoài có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 5 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 160, Điều 227, Điều 228, Điều 273, Điều 469, Điều 479, Điều 476, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng các Điều 609, 610, 611, 612, 613, 620 Bộ luật Dân sự. Căn cứ điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H1 đối với bị đơn Lê Mạnh C về việc “Tranh chấp chia di sản thừa kế”.

1.1. Bà Lê Thị H được sở hữu, sử dụng $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản trên đất tại các thửa đất như sau:

- Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 38 (nay là thửa đất số 60, tờ bản đồ số 219 phường Đ), có diện tích thực tế $385,9m^2$ (đất trồng cây lâu năm), có tứ cận: Phía Bắc giáp đường giao thông; phía Nam giáp thửa ONT 567; phía Tây giáp thửa ONT 562 và đường giao thông; phía Đông giáp thửa ONT 5 và ONT 1367. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ086774, số vào sổ cấp GCN: H05261 do UBND thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình cũ cấp ngày 22/9/2009, mang tên Lê Hải Đ1, Lê Thị H.

- Thửa đất số 563, tờ bản đồ số 38 (nay là thửa đất số 1367, tờ bản đồ số 218 phường Đ); địa chỉ: Xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình (nay là phường Đ, tỉnh Quảng Trị); diện tích $1058,9m^2$ (Đất ở tại nông thôn $120m^2$, đất trồng cây lâu năm $938,9m^2$). Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 308363, số vào sổ cấp GCN: H05259 do UBND thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình cũ cấp ngày 22/9/2009, mang tên Lê Hải Đ1, Lê Thị H.

- Thửa đất số 564, tờ bản đồ số 38 (nay là thửa đất số 2, tờ bản đồ số 219 phường Đ), có diện tích thực tế $263,0m^2$ (đất ở tại nông thôn $80,0m^2$, đất trồng cây lâu năm $183m^2$), có tứ cận: Phía Tây Bắc giáp thửa ODT 1367; phía Tây Nam giáp thửa ODT 1367; phía Tây Nam giáp thửa ODT 218 và ODT 219 và đường giao

thông; phía Đông Bắc giáp đường giao thông. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 308361, số vào sổ cấp GCN: H05260 do UBND thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình cũ cấp ngày 22/9/2009, mang tên Lê Hải Đ1, Lê Thị H.

1.2. Chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với di sản thừa kế của ông Lê Hải Đ1:

Giao cho bà Lê Thị H được quyền sở hữu, sử dụng đối với nhà đất, tài sản trên đất tại các thửa đất như sau:

- Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 38 (nay là thửa đất số 60, tờ bản đồ số 219 phường Đ), có diện tích thực tế 385,9m² (đất trồng cây lâu năm), có tứ cận: Phía Bắc giáp đường giao thông; phía Nam giáp thửa ONT 567; phía Tây giáp thửa ONT 562 và đường giao thông; phía Đông giáp thửa ONT 5 và ONT 1367. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ086774, số vào sổ cấp GCN: H05261 do UBND thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình cũ cấp ngày 22/9/2009, mang tên Lê Hải Đ1, Lê Thị H.

- Thửa đất số 563, tờ bản đồ số 38 (nay là thửa đất số 1367, tờ bản đồ số 218 phường Đ); địa chỉ: Xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình (nay là phường Đ, tỉnh Quảng Trị); diện tích 1058,9m² (Đất ở tại nông thôn 120m², đất trồng cây lâu năm 938,9m²). Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 308363, số vào sổ cấp GCN: H05259 do UBND thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình cũ cấp ngày 22/9/2009, mang tên Lê Hải Đ1, Lê Thị H.

- Thửa đất số 564, tờ bản đồ số 38 (nay là thửa đất số 2, tờ bản đồ số 219 phường Đ), có diện tích thực tế 263,0m² (đất ở tại nông thôn 80,0m², đất trồng cây lâu năm 183m²), có tứ cận: Phía Tây Bắc giáp thửa ODT 1367; phía Tây Nam giáp thửa ODT 1367; phía Tây Nam giáp thửa ODT 218 và ODT 219 và đường giao thông; phía Đông Bắc giáp đường giao thông. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 308361, số vào sổ cấp GCN: H05260 do UBND thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình cũ cấp ngày 22/9/2009, mang tên Lê Hải Đ1, Lê Thị H.

(Có sơ đồ kèm theo)

Bà Lê Thị H có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký biến động, sang tên quyền sở hữu, sử dụng cấp lại Giấy CNQSDĐ đất đối với khối di sản nêu trên theo quy định của pháp luật.

2. Chi phí tố tụng: Bà Lê Thị H tự nguyện nộp toàn bộ tiền chi phí tố tụng (đã nộp xong).

3. Án phí: Bà Lê Thị H được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án Dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (29/5/2026). Đối với chị Lê Thị Hương G ở trong nước vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Anh Lê Hải Đ ở nước ngoài có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND KV 1 – Quảng Trị;
- Phòng THADS KV 1 – Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tuyết Minh

